

# Những vấn đề của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội ở nông thôn Bắc Bộ

(QUA MỘT NĂM TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU CỦA VIỆN XÃ HỘI HỌC)

TƯƠNG LAI

Cơ cấu xã hội của một xã hội và của một chính quyền Nhà nước được đặc trưng bởi những thay đổi mà nếu không được làm rõ thì không thể tiến thêm một bước nào trong bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội. Đó là nhận định của Lênin khi giai cấp vô sản Nga bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội sau xm tháng 10 năm 1917.

Hiểu biết một cách sâu sắc thực chất của những biến chuyển trong cơ cấu xã hội, đặc biệt là những biến chuyển trong cơ cấu giai cấp xã hội, cơ cấu nghề nghiệp xã hội và cơ cấu nhân khẩu xã hội của một xã hội đang trong thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ tiến lên một xã hội hiện đại, từng bước thực hiện quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, như xã hội ta hiện nay, là điều kiện tiên quyết của việc *quản lý xã hội*. Nói rõ hơn, có hiểu biết đúng đắn những điều đó mới có thể xác lập *căn cứ khoa học* cho việc quản lý xã hội, cho việc hoạch định những chính sách kinh tế và chính sách xã hội, tránh được những tùy tiện, chủ quan, muồn nôn nóng đốt cháy giai đoạn.

Muốn hiểu biết sâu sắc thực trạng cơ cấu xã hội và những biến chuyển của nó trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, phải có những công trình nghiên cứu nghiêm túc, những điều tra khảo sát công phu với những phương pháp khoa học và hiện đại. Công việc đó chúng ta chưa làm được bao nhiêu. Gần đây nhất, trong “Nghị quyết Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” tháng 4-1988, khi nhận định về “tình hình tổ chức sản xuất và quản lý nông nghiệp hiện nay” đã nêu rõ “chưa có điều tra nghiên cứu về tình hình chuyển biến giai cấp và xã hội ở nông thôn để có chính sách kinh tế, xã hội đúng đắn nhằm tăng cường củng cố công nông liên minh, tăng cường đoàn kết nhân dân lao động ngăn ngừa và khắc phục tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa theo những hình thức và bước đi thích hợp”. Mặc dầu như vậy, cuộc sống không thể chờ đợi. Vẫn phải kịp thời có nghị quyết về “đổi mới quản lý kinh tế

Báo cáo tổng kết chương trình nghiên cứu về nông thôn của Viện Xã hội học năm 1988, trình bày trong hội nghị khoa học của Viện ngày 27 tháng 12 năm 1988.

nông nghiệp”. Trên các mặt công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế gia đình, kinh tế cá thể v.v... điều cần phải có ngay những chính sách thích hợp để tháo gỡ những trói buộc, khắc phục những thiếu sót, mở đường cho sản xuất phát triển.

Ở đây chúng ta đứng trước một nghịch lý: do chưa có những khảo sát đầy đủ về thực trạng xã hội kinh tế, đặc biệt là cơ cấu xã hội, cho nên trong nhiều chính sách, chủ trương đã bộc lộ những khiếm khuyết, sai lầm. Nhưng vì công việc khảo sát để nắm chắc thực trạng xã hội và kinh tế lại đòi hỏi phải có thời gian và sự đầu tư thích đáng, do vậy vẫn cứ phải ban hành những chủ trương chính sách khi vẫn chưa nắm được thực trạng một cách đầy đủ, toàn diện.

Trong phạm vi chuyên môn, bởi một khả năng hẹp. Viện xã hội học nhận thức được trách nhiệm không thể thoái thác được của mình, đã xác định được mục tiêu của chương trình nghiên cứu trong ba năm (6-1987 đến 6-1990) là tìm hiểu cơ cấu xã hội, trước hết là cơ cấu giai cấp xã hội, cơ cấu nghề nghiệp xã hội và cơ cấu nhân khẩu xã hội trong mối quan hệ tương tác bởi các chính sách xã hội, xem đó là *tiền đề xã hội* cần thiết cho việc chuyển mạnh sang nền kinh tế hệ nó hóa của thời kỳ quá độ tin lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. s

Từ Xã hội cổ truyền tiến lên xã hội hiện đại, từ nền kinh tế tự cung tự cấp của nông nghiệp lạc hậu tiến lên nền kinh tế hàng hóa và từng bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là mỗi bước chuyển biến nhọc nhằn đầy những trở ngại khó khăn. Về thực chất đó là một chuyển biến cách mạng thay đổi từ gốc đến ngọn của xã hội cả con người, của kinh tế và văn hóa, từ cơ sở hạ tầng cho đến kiến trúc thượng tầng, trong đó, phải chú ý đặc biệt đến sự chuyển đổi kết cấu hạ tầng làm tâm lý xã hội.

Nếu “sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên” và không thể dùng sắc lệnh để xóa bỏ một giai đoạn phát triển tự nhiên của lịch sử thì cần phải nhận thức một cách tỉnh táo và rất đầy đủ việc “*rút ngắn và làm giảm bớt cơn đau đẻ*” của lịch sử xã hội ta từ tổ truyền tiến lên hiện đại. Chính ở đây, nổi rõ lên yêu cầu bức bách phải nhận diện thật đúng *thực trạng cơ cấu xã hội*. Xã hội học phải nắm bắt được những chỉ báo của sự *vận động và chuyển đổi* của thực trạng ấy trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khi nói đến vấn đề nhận diện đúng thực trạng cơ cấu xã hội, chúng ta không thể quên rằng, cho đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước ta chưa từng trải qua một cuộc *cách mạng xã hội* theo đồng ý nghĩa đích thực của nó, là do vậy, cũng chưa có một *cuộc cách tư tưởng* với nội dung cần phải có của nó. Ngót một nửa thế kỷ qua, xã hội ta trải qua những biến động dữ dội, song cũng cần phải thấy rằng gần 30 năm chiến tranh trong cơn binh lửa, sự *xáo động* diễn ra nhiều hơn là sự *ổn định* và *phát triển*. Mà về mặt kinh tế và văn hóa, không có ổn định xã hội thì khó mà nói đến xây dựng và phát triển.

Một mặt khác do nhận thức chưa đầy đủ về chủ nghĩa xã hội, do những nhầm lẫn, ấu trĩ về mô hình xã hội chủ nghĩa có sẵn, đã dẫn đến những nôn nóng, chủ quan trong nhiều chủ trương, biện pháp về chỉ đạo xây dựng kinh tế, quản lý xã hội. Những sai lầm đó đó làm trầm trọng thêm những khó khăn vốn đã gay gắt của một nước lạc hậu, sản xuất nhỏ, manh mún, quen với lối mòn tự cung tự cấp bao cấp và công nạp không sao chuyển nổi sang kinh tế hàng hóa.

Không thể không thấy rằng, khi nói đến trước tháng 8-1945 nước ta chưa đạt qua một cuộc cách mạng xã hội theo ý nghĩa đích thực của nó, thì cần nhớ lại rằng trong triều miên mười thế kỷ, nền sản xuất nông nghiệp nước ta không có những thay đổi khoa học, kỹ thuật nào đáng kể. Cái cày chìa vôi từ đời Lý vẫn còn quen thuộc trên nhiều cánh đồng hợp tác ở đồng bằng sông Hồng hôm nay! Nếu như “những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” mà chúng ta cần phải nhận thức một cách đầy đủ một sự thật xót xa là, chúng ta không những đang *lạc hậu* mà còn *lạc điệu* so với thế giới hiện đại như thế nào !

Sự lạc hậu và lạc điệu ấy cần được nhìn nhận ở nhiều biểu hiện, trên bình diện xã hội học, cần làm nổi rõ ở *cơ cấu xã hội*. Đương nhiên, chỉ có thể hiểu rõ về cơ cấu xã hội khi nhìn nhận nó trong một *chính thể* bao gồm *con người – cơ cấu xã hội – hệ thống quản lý*. Chính vì thế khi triển khai những hướng nghiên cứu và tiến hành những khảo sát xã hội học, chúng ta đã chọn cách tiếp cận hệ thống, từ những khảo sát ở cấp vi mô cũng như sự phân tích, khái quát tìm ra những nhận định ở cấp vĩ mô.

Trong năm 1988, đã có 5 cuộc khảo sát, tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn miền Bắc, các tỉnh Tây Nguyên (và một cuộc khảo sát tại một xí nghiệp ở Hà Nội). Mục tiêu của những cuộc khảo sát này là nhằm *bước đầu* nhận diện về cơ cấu xã hội, chủ yếu là cơ cấu giai cấp, cơ cấu nghề nghiệp và cơ cấu nhân khẩu ở một số điểm điển hình ở nông thôn đối chiếu với định hướng chuyển sang kinh tế hàng hóa mà nghị quyết 10 của Bộ chính trị đã vạch ra.

Như vậy có nghĩa là, thời điểm tiến hành các cuộc khảo sát cũng là thời điểm mà những chính sách mới đối với quản lý kinh tế nông nghiệp bắt đầu được triển khai. Những chính sách đó “thể hiện tinh thần dân chủ hóa trong quản lý kinh tế, thực hiện công bằng xã hội, xây dựng cơ sở pháp lý để những người lao động dựa vào đó đấu tranh với những bệnh quan liêu cửa quyền, tham ô, ăn chặn, những hành vi xâm phạm quyền làm chủ tập thể của người lao động trong sản xuất và phân phối”, trên thực tế đã được cuộc sống kiểm nhận như thế nào ? Đó là một hướng mục tiêu mà các cuộc khảo sát xã hội học cố gắng đạt tới. Và nếu “sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa là hướng tiến lên của nền nông nghiệp trong thời kỳ mới phải được quán triệt một cách sâu sắc trong các chủ trương, chính sách nông nghiệp”<sup>1</sup> như nội dung nghị quyết 10 đã nhấn mạnh thì các kết quả của những khảo sát nhằm phải trả lời một câu hỏi : *liệu cơ cấu xã hội và những chuyển biến của nó là thuận lợi hay là cản trở cho việc chuyển sang sản xuất hàng hóa ? Các chính sách kinh tế và chính sách xã hội đã có tác động như thế nào đến sự chuyển đổi cơ cấu xã hội thuận lợi cho sự chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa ?*

Để triển khai hướng nghiên cứu này, trước hết cần phải có nhận thức đầy đủ về chính sách xã hội. Vì vậy, trong năm qua hướng đi sâu tìm hiểu về chính sách xã hội ở cấp độ lý thuyết cũng như sự vận dụng trong thực tế đã là một trọng tâm công tác của Viện xã hội học.

Trên thực tế, khó tách bạch mặt kinh tế và mặt xã hội của một chính sách, cũng chính vì vậy, khi đi vào cuộc sống, sự phân biệt giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Các nhân tố xã hội sẽ trở thành động lực thúc

1. Báo Nhân dân ngày 12-4-1988.

đẩy sự phát triển kinh tế nếu chúng được xem xét dưới tính sáng của lợi ích. Chính sách kinh tế mới của Lênin là sáng tạo chính là vì đã giải quyết đúng đắn vấn đề *lợi ích và hình thức sở hữu*, đó là hai vấn đề cốt lõi, tạo nên động lực của sự phát triển. Lênin căn dặn rằng: “Không thể dùng dùi cui mà bắt buộc cả một tầng lớp xã hội phải làm việc được”<sup>1</sup>. Cũng chính vì vậy, trên bình diện lý luận, cần phải có sự nhận thức thấu đáo về vai trò và nội dung của chính sách xã hội.

Chính sách xã hội không thể thoát ly những tiền đề kinh tế nhưng đồng thời phải dự đoán những *hậu quả xã hội* của những chính sách kinh tế. Cũng đừng quên rằng, bản thân sự phát triển kinh tế không tự tổ chức được quá trình hoàn thiện các quan hệ xã hội. Cần phải có sự quản lý xã hội của các hoạt động kinh tế. Và vì thế, *chính sách xã hội* đóng vai trò của bộ điều chỉnh đời sống kinh tế xã hội của các tầng lớp cư dân hình thành những quan hệ xã hội lành mạnh, góp phần thực hiện *công bằng xã hội*, và xây dựng *lối sống* phù hợp với định hướng của sự phát triển. Trên quan điểm đó, việc hoạch định các chính sách xã hội mới có thể thoát khỏi cái nhìn hạn hẹp của sự cứu tế xã hội đơn thuần hoặc của sự bảo trợ xã hội tràn lan.

Không thể không lưu ý đến hiện tượng tách rời một cách siêu hình chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong khi hoạch định cũng như khi thực thi. Tương tác biện chứng giữa mặt kinh tế và mặt xã hội của các chính sách làm nổi rõ lên một thực tế là, không thể chỉ nhấn mạnh các mục tiêu kinh tế, cho rằng cứ giải quyết tốt tình hình kinh tế thì các mục tiêu xã hội sẽ được giải quyết, các tiêu cực xã hội sẽ tự động mất đi. Đương nhiên không có những hiện tượng xã hội nào lại không có những cội nguồn kinh tế của nó. Song nhiều bài học lịch sử đã cho thấy rằng nội dung kinh tế là sức dòn nén, nhưng ngòi nổ lại những đòi hỏi xã hội bức xúc đôi khi tích tụ lại và vỡ ra ở những sự kiện tưởng như là ngẫu nhiên. Đồng thời mỗi một trạng thái kinh tế lại làm nảy sinh ra những vấn đề xã hội mới đòi phải giải quyết. Cũng do đó *định hướng xã hội phải là cái dẫn dắt* mọi quá trình kinh tế. Nói cách khác, *mục tiêu xã hội* phải là điểm xuất phát và cũng là điểm kết thúc của mọi hoạt động kinh tế.

Thực chất của chính sách xã hội là góp phần bảo vào việc quản lý và điều hòa các quan hệ xã hội và cá nhân công dân, quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp xã hội phù hợp với định hướng của sự phát triển.

Nếu nói đến lực tác động vị chi phối mọi quan hệ xã hội ấy xét đến cùng, không có gì khác ngoài lợi ích thì cùng với lợi ích chung còn có lợi ích riêng, ngoài sự thống nhất còn có sự đụng độ, mâu thuẫn. Phạm trù lợi ích gắn chặt với con người, và hoạt động của con người. Mà con người thì vẫn luôn luôn là những con người cụ thể, không hề có con người trừu tượng. Con người cụ thể ấy đang hoạt động trong những hoàn cảnh cụ thể, những nghề nghiệp cụ thể, có những nhu cầu, những dự vọng riêng tư. Những con người cụ thể ấy gia nhập vào những nhóm xã hội đặc thù có màu sắc đa dạng và phức tạp mà lâu nay chúng ta ít có sự nghiên cứu đầy đủ.

Chúng ta thường chú ý nhiều về giai cấp song nhiều khi, thay cho việc tìm hiểu những đặc trưng tiêu biểu của các giai cấp đang tồn tại hiện thực và sinh động, nhiều người lại tự bằng lòng với những định đề có sẵn rút ra từ sách, những công thức đã được học thuộc lòng. Rồi căn cứ vào những định đề có sẵn, những công thức đã được

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*. NXB Tiến bộ Mátxcova tập 38. tr. 200.

học thuộc lòng ấy, người ta cố “đeo chân cho vừa giày”, gán ghép và tân trang đời sống hiện thực cho phù hợp với những giáo điều xơ cứng.

Cũng chính vì vậy, việc chăm lo cho lĩnh vực xã hội chưa tương xứng với những đòi hỏi nóng bỏng của cuộc sống, chưa từ trong việc giải quyết những vấn đề xã hội liên quan trực tiếp đến lợi ích hàng ngày của con người để tìm ra đòn bẩy của hoạt động kinh tế. Nghiêm khắc mà nói, những *chính sách xã hội* của chúng ta vừa thiếu căn cứ lý luận vừa chưa đáp ứng được những đòi hỏi nóng bỏng của thực tiễn. Cốt lõi của chính sách xã hội là góp phần tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Để làm việc đó, mọi chính sách xã hội phải hướng vào việc tạo nên *tính cơ động xã hội cao*, tạo ra được sự chuyển đổi cơ cấu xã hội thuận lợi cho sự phát triển.

Trong yêu cầu của sự chuyển đổi thực trạng kinh tế - xã hội của chúng ta hiện nay, vấn đề có ý nghĩa quyết định là chuyển từ một nền kinh tế lạc hậu, nặng về tự cấp tự túc trong một cơ chế quản lý hành chính bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình vận động của sự đổi mới tư duy, người ta càng ngày càng thấy rằng, nền sản xuất xã hội chủ nghĩa có kế hoạch cũng phải là nền sản xuất hàng hóa xét về nội dung của nó. Việc đối lập giữa thị trường với kế hoạch là không có căn cứ. Bởi lẽ, thị trường không phải là phát minh của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Thị trường mang trong lòng nó hàng loạt những nét đặc trưng kinh tế chung vốn có của mọi hệ thống dựa trên cơ sở quan hệ phân công lao động đã phát triển và trên cơ sở hình thái hàng hóa của mỗi liên hệ kinh tế. Vì vậy, thị trường là một bộ phận không thể thiếu được của nền kinh tế có kế hoạch..

Do những đặc điểm lịch sử, trong một thời gian dài, nền kinh tế của ta được vận hành theo một cơ chế tập trung, bao cấp. Cơ chế ấy là cần thiết trong những tình huống đặc biệt và trên thực tế cũng đã đưa lại những kết quả nhất định, đồng thời lại chứa đựng và làm tăng lên ngày một rõ nguy cơ làm biến dạng các nền tảng của chủ nghĩa xã hội. Sự biến dạng đó gây nên bởi cách vận hành cứng nhắc các quan hệ và hình thức sở hữu, việc thực hiện các quan hệ đó trong sự đa dạng và phức tạp của cuộc sống không giúp tạo ra động lực của sự phát triển xã hội. Lợi ích trực tiếp của quần chúng lao động bị vi phạm, dẫn đến thái độ thờ ơ của quần chúng đối với sự sở hữu và hệ thống quản lý. Những biến dạng ấy dẫn đến những phân hóa theo hai cực: một bên là sự trầm trọng của chủ nghĩa quan liêu và một bên là tính thụ động xã hội của người lao động và những tầng lớp xã hội khác. Trong điều kiện đó, ý tưởng tốt đẹp về chế độ làm chủ tập thể và quyền làm chủ lập thể của nhân dân lao động không được thực hiện, thậm chí còn bị biến dạng theo chiều hướng ngược lại.

Những biến dạng đó làm trầm trọng thêm sự bất ổn định về xã hội và kinh tế của một xã hội nông nghiệp còn phổ biến là sản xuất nhỏ, nặng về tự cung tự cấp, chưa chuyển được sang kinh tế hàng hóa. Thêm vào đó, những nóng vội trong một số chủ trương về cải tạo xã hội chủ nghĩa chưa thấu triệt mục tiêu của đẩy mạnh sản xuất trong quá trình cải tạo đã gây nên đình đốn, trì trệ trong nhiều hoạt động kinh tế và đời sống.

Chính sách xã hội đang đối diện với thực tế nóng bỏng và phức tạp đó. Muốn tạo ra nguồn động lực muốn thúc đẩy tính cơ động xã hội, muốn chuyển đổi cơ cấu xã hội thuận lợi cho sự phát triển sản xuất hàng hoá, phải giải đáp hàng loạt những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoạch định chính sách xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Đây là một hướng nghiên cứu cần phải tập trung nhiều công sức trong vài năm

tới: Một mặt phải đi sâu tìm hiểu những thành tựu lý luận của xã hội học ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên lĩnh vực này để nâng cao nhận thức lý luận về chính cách xã hội. Mặt khác, phải triển khai nhiều đợt khảo sát nhằm tìm hiểu một cách cụ thể tác động của chính sách xã hội đang phát huy tác dụng của chúng trong đời sống hiện nay.

Một trong những vấn đề cơ bản là phải tìm ra những yếu tố này trong cơ cấu xã hội cản trở sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, trước mắt là cản trở sự phát triển sản xuất hàng hóa, để chính sách xã hội hướng vào đó mà tác động. Phải chăng một chủ nghĩa bình quân có cội rễ rất sâu trong xã hội nông nghiệp truyền thống mà hậu quả nặng nề là *chia đều sự nghèo khổ* đang là trở ngại lớn nhất cho sự phát triển? Nó đã làm giảm sút, thậm chí triệt tiêu động lực của việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế. Phải có hàng loạt giải pháp để khắc phục di sản nặng nề này, trong đó, chính sách xã hội là một giải pháp tích cực. Song để tìm ra và thực thi những giải pháp ấy lại phải có sự phân tích sâu sắc vào những *khuyết tật cấu trúc* của bộ máy quản lý kinh tế và xã hội ta hiện nay. Bởi lẽ trong những chừng mực nhất định, bộ máy ấy cũng là sản phẩm của chính cái cơ cấu xã hội hiện tồn.

Những bất ổn định vị kinh tế và xã hội ~ kéo dài và có chiều hướng tăng lên không thể được khắc phục chỉ bằng một số biện pháp riêng rẽ cho dù là tích cực và quyết liệt. Cần phải xem xét lại trên một làm tư duy mới toàn bộ cái chỉnh thể bao gồm con người - cơ cấu xã hội - hệ thống quản lý. Cái chỉnh thể ấy đang vận động và đang đòi hỏi phải có sự chuyển đổi căn bản để có thể bắt kịp với nhịp điệu mới của toàn cảnh văn minh nhân loại, không lạc điệu và tự cô lập mình. Quá trình làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, thực hiện được công bằng xã hội tùy thuộc vào sự vận động và chuyển đổi của cả cái chỉnh thể ấy.

Công bằng xã hội là phạm trù trung tâm của mọi chính sách xã hội gắn với phạm trù lợi ích như hình vại bóng, phạm trù này không nhằm diễn đạt một nội dung cố định, nhất thành bất biến, mà có tính cụ thể lịch sử. Với một trình độ nhất định của sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, sẽ có sự công bằng xã hội tương ứng. Đến lượt nó, công bằng xã hội sẽ tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội lên một bước mới, đòi hỏi một trình độ mới của sự công bằng xã hội cao hơn. Cũng chính vì thế, nó đòi hỏi phải chống lại chủ nghĩa bình quân từ trong nếp nghĩ, trong cách làm. Đó là một chủ nghĩa bình quân đưa tới sự cào bằng lợi ích và cũng do đó, cào bằng mọi sáng kiến, sáng tạo và triển vọng thăng tiến xã hội của mỗi cá nhân theo kiểu “xấu đều hơn tốt lỏi, khôn độc không bằng ngốc dân”.

Chính sách xã hội phải góp phần hình thành cho được một cơ chế vận hành trong thực tiễn có khả năng tạo điều kiện cho mỗi một người, mỗi một nhóm xã hội, mỗi tầng lớp xã hội đặc thù đều *có những cơ hội* để thăng tiến xã hội. Cơ hội có thể như nhau, nhưng sự thăng tiến xã hội của mỗi thành viên trong xã hội lại không thể tuyệt đối giống nhau vì còn thuộc vào tư chất, năng lực, ý chí và nghị lực của từng người, thậm chí vào truyền thống gia đình và nhóm xã hội.

Thông thường xã hội ta đi lên trong đội hình hình thoi chứ không phải dàn hàng ngang mà tiến. Bởi vậy phải khuyến khích những bộ phận tinh hoa được sàng lọc trong quá trình vận động thực tiễn để họ có điều kiện phát huy sức mạnh, lôi kéo cả đội hình đi tới. Muốn thế, chính sách xã hội phải có tác dụng thúc đẩy chứ không phải là kìm hãm việc tạo ra những công bằng (synergy) và “sức trời” (emergence) trong (những cộng đồng và trong toàn bộ xã hội).

Để làm được việc đó, một trong những vấn đề có ý nghĩa sâu xa là phải suy nghĩ lại một cách không định kiến về những thành phần kinh tế và xã hội vẫn đang còn có những vai trò nhất định trong chặng đường lịch sử hiện nay. Chúng ta hiểu rằng không một hình thức nào biến mất khi những khả năng của nó chưa cạn hết. Một chính sách cởi mở nhằm khai thác và phát huy mọi năng lực của mọi cá nhân – công dân và mọi nhóm xã hội, mọi tầng lớp xã hội sẽ tạo ra được một nguồn lực lớn, thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh nền kinh tế, tạo ra sức bật xã hội mới. Tiêu chuẩn của việc lựa chọn hình thức sở hữu không thể là những định đề có sẵn và sự cưỡng bức siêu kinh tế mà là sự vận động khách quan của đời sống cho phép kết hợp được các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Làm cho mọi người gắn bó với công việc của mình trong sự ràng buộc của lợi ích đó, đây là những chính sách xã hội có sức sống và có triển vọng. Nhưng muốn vậy, chính sách xã hội phải được xây dựng trên một căn cứ khoa học vững chắc nhằm đáp ứng những đòi hỏi nóng bỏng của cuộc sống. Chính vì vậy, nghiên cứu sâu hơn về chính sách xã hội ở cấp độ lý thuyết cũng như ở trong đời sống hiện thực sẽ vẫn là hướng tập trung cố gắng sắp tới của Viện xã hội học.

Trên cơ sở nhận thức như vậy, trong năm qua chúng ta đã nói nhiều với những chính sách xã hội (và nói chung là những chính sách kinh tế - xã hội) đang được triển khai để nhìn nhận tác động của chúng đối với cuộc sống, chủ yếu tác động của chính sách đối với cơ cấu giai cấp, cơ cấu nghề nghiệp và cơ cấu nhập khẩu xã hội.

Những kết quả thu nhận được từ những điểm khảo sát ở một số xã đồng bằng Bắc Bộ (và Tây Nguyên) đang là những thăm dò để xác định phương hướng triển khai cho năm 1989 và 1990. Tuy nhiên từ những khảo sát thăm dò bước đầu ấy, cũng có thể sơ bộ nêu lên một vài suy nghĩ.

Để chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nước ta cần phải có một khảo sát nghiêm túc và toàn diện về nông thôn, nông nghiệp trên những vùng lãnh thổ với những đặc điểm riêng biệt để nhận diện đúng về cơ cấu xã hội hiện tồn và chiều hướng, khả năng chuyển biến của cơ cấu đó thuận lợi cho kinh tế hàng hoá.

Những khảo sát mà qua đã có thể cho phép đưa ra nhận định: trong tình hình hiện nay, từ vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ việc chuyển sang sản xuất hàng hóa là cực kỳ khó khăn.

Điều trước tiên là do ruộng đất ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ đã thu hẹp lại đến mức quá nhỏ, bình quân từ 1,2 sào đến 1,5 sào cho mỗi đầu người. Mặt khác gần như tất cả dân cư đều phải bám lấy ruộng đất để sống nên không thể lấy một số ruộng đất ít ỏi đó tập trung cho một số người làm ruộng giỏi. Vì vậy gia đình làm ruộng giỏi nhiều lắm cũng chỉ được giao đến 2 mẫu là cùng, nghĩa là vừa đủ để cho gia đình họ sản xuất. Và do vậy cũng vẫn chưa vượt qua được cái ngưỡng của tự cung tự cấp để tạo ra một khối lượng nông sản hàng hóa lớn. Nếu thời vụ căng thẳng về lao động thì cách giải quyết vẫn theo lối truyền thống là làm đổi công.

Sự căng thẳng về đất đai, thiếu việc làm, thừa lao động càng trở nên gay gắt khi sự phân công lao động xã hội ở nông thôn chưa tìm ra được lối thoát, đặc biệt là ở những vùng độc canh lúa, không tạo ra được các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

Trong khoảng thời gian từ 1976 đến 1986, dân số nông thôn đã tăng lên thêm 10 triệu người, với tỷ lệ 26% cơ cấu so với tổng số dân, từ 70,1% năm 1976 lên 80,7% năm

1986. Lao động thu hút chủ yếu vào trồng cây lương thực (chủ yếu là lúa) các ngành nghề tiêu thủ công nghiệp có truyền thống lâu đời cũng vẫn được xem như là nghề phụ để người trồng lúa làm thêm trong buổi nông nhàn. Dịch vụ nông nghiệp và các loại dịch vụ khác trên địa bàn nông thôn hầu như không có hoặc hết sức thấp kém. Công nghiệp và các doanh nghiệp phi nông nghiệp khác chưa có điều kiện mở rộng và phát triển, chưa có điều kiện thu hút lao động từ nông thôn vào các ngành phi nông nghiệp. Bởi vậy, nông nghiệp, nông thôn vẫn là nơi ứ đọng lao động thừa.

Người ta tính rằng, hàng năm trong nông thôn thừa ra một lượng thời gian lao động tương đương với 10 triệu lao động, chiếm trên 1/3 tổng số lao động ở nông thôn hiện nay. Sự phân công lao động xã hội dường như không nhích lên được nước nào, thậm chí còn thụt lùi so với trước đây.

Khảo sát ở một huyện vốn có những nghề thủ công truyền thống đã thấy nổi lên tình hình về ngành nghề phụ của nhiều hợp tác xã bị mai một vì không có người đặt hàng, không có nơi tiêu thụ. Có một số hợp tác xã thủ công nghiệp tồn tại từ lâu trong các nghề gia công dệt, cơ khí v.v... đang có nguy cơ phá sản vì các cơ sở gia công không có tiền trả và cũng không có gạo bán. Nhiều gia đình có nghề thủ công đã quay về xin nhận ruộng làm nông nghiệp.

Chúng tôi nghĩ rằng, nếu không có những biến đổi mạnh mẽ về *cơ cấu kinh tế* làm cho kinh tế nông thôn đa dạng hóa, vừa trồng trọt vừa chăn nuôi, chế biến nông sản và lưu thông nông sản hàng hóa, tạo điều kiện phát triển các ngành thủ công truyền thống đi vào chuyên doanh sản xuất, mở ra các dịch vụ nông nghiệp và các dịch vụ khác v.v... thì không thể có sự phát triển của nông thôn nông nghiệp. Nhưng để làm được như vậy, phải nhìn nhận trở lại *cơ cấu vốn đầu tư* đối với nông thôn nông nghiệp đang thừa nhiều *lao động sống* nhưng lại quá thiếu vốn là *cơ sở vật chất - kỹ thuật*. Vấn đề đặt ra là phải làm sao với vốn ít nhất có thể sử dụng nhiều sức lao động nhất, làm sao khai thác tối đa nguồn lao động đang còn dư thừa, nhân rồi lấy đó làm nguồn vốn chủ yếu.

Trong nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn của nhà nước, đương nhiên phải khai thác nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Nếu có một cái nhìn cởi mở, xóa bỏ những định kiến hẹp hòi sẽ không phải là không có những tiềm năng được phát huy có hiệu quả.

Đi liền với cơ cấu kinh tế, cơ cấu vốn đầu tư là vấn đề cơ chế quản lý nhằm tháo gỡ những trói buộc, tạo ra nguồn động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp bằng cơ chế lợi ích. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã vạch ra những phương hướng khác cơ bản cho việc phát huy được vai trò, của hộ gia đình trong mọi mặt hoạt động kinh tế ở nông thôn. Cụ thể hóa những giải pháp để triển khai theo phương hướng đó sẽ là cách tháo gỡ sự bế tắc hiện nay trong việc làm và phân công lại lao động xã hội ở trong thôn.

Cơ cấu xã hội nông thôn chỉ có thể chuyển đổi trên cơ sở những chuyển đổi về cơ cấu kinh tế và sự phân công lại lao động xã hội. Thế nhưng, những vấn đề này hiện hay vẫn đang dậm chân tại chỗ, đòi hỏi phải có sự khảo sát để tìm ra những hướng tháo gỡ, kiến nghị những giải pháp cụ thể. Chính ở đây, đề tài chính sách xã hội và cơ cấu xã hội phải được xúc tiến mạnh mẽ về chiều rộng cũng như về chiều sâu trong hai năm tới.



Tình hình phát triển sản xuất hàng hóa trong nông thôn nước ta (trước hết, nói đến nông thôn Bắc Bộ) đang cho thấy một thực trạng của nhiều khuynh hướng, cấp độ và hình thức biểu hiện khác nhau. Chúng có mối liên hệ với những đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hóa của từng địa phương.

Để có thể hoạch định được những chính sách kinh tế xã hội nhằm thúc đẩy sự chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa, cần phải có sự tìm hiểu phân tích và lý giải các quá trình kinh tế và xã hội diễn ra từng địa bàn khác nhau dưới những yếu tố tác động bên trong và bên ngoài. Các quá trình ấy gắn liền với một mô hình phát triển, ngoài những nét chung phổ biến của nông thôn, nông nghiệp sản xuất nhỏ, còn có những nét đặc thù mà nếu không có sự nhìn nhận cụ thể sẽ không tìm ra được những giải pháp sát đúng.

Trong sự nghiên cứu đối sánh của hai điểm khảo sát ở Nam Giang, huyện Nam Ninh và Hải Tân, Hải Sơn huyện Hải Hậu, cũng đều là vùng nông nghiệp của tỉnh Hà Nam Ninh, song điều dễ nhận xét là chúng có những mô hình phát triển không giống nhau. So sánh chúng với một xã ngoại thành Hà Nội, nằm trên trục tam giác Hà Nội Hà Đông - Sơn Tây, chúng ta càng hiểu rõ rằng, sự ổn định trì trệ của một cơ cấu xã hội cổ truyền mà muốn phá vỡ được nó để chuyển sang một cơ cấu thuận lợi cho kinh tế hàng hóa đòi hỏi phải có nhiều giải pháp quyết liệt và đồng bộ.

Vấn đề đặt ra thật khá rõ ràng: *phân công lao động, xã hội, sản xuất hàng hóa và thị trường* là, những dữ kiện quá khó khăn để cho nông thôn nước ta chuyển đổi và phát triển. Ở những vùng đã có nghề thủ công truyền thống, việc tạo ra những điều kiện nói trên sẽ thuận lợi hơn nhiều so với vùng độc canh lúa. Chỉ với nghề trồng lúa, một địa bàn cư dân nông nghiệp không thể vượt quá bản thân mình, nếu không có những tác động lớn từ bên ngoài để có thể phân công lại lao động xã hội và phát triển sản xuất hàng hóa. Điểm khảo sát ở Đại Đồng đã chỉ rõ điều đó. Ngay ở một xã mà các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh, đã tạo ra một nhịp điệu sôi động của sản xuất hàng hóa, tỷ suất hàng hóa từ 25% năm 1980 tăng lên 58% năm 1987 thì khi đó điều kiện đầu tư cho sản xuất nông nghiệp để tăng thêm thu nhập, người ta cũng có xu hướng *biến các ngành nghề nói trên trở thành nghề phụ của sản xuất nông nghiệp*. Về mặt cơ cấu nghề nghiệp xã hội - đã quan sát thấy ở đây - sự phân chia các tầng lớp xã hội vẫn không được rạch ròi giữa tầng lớp thợ thủ công và người làm ruộng, giữa lao động trực tiếp và lao động gián tiếp. Quá trình đẩy mạnh sự phân công lao động trên cơ sở tách lao động thủ công ngành nghề với lao động nông nghiệp có lúc bị chùng lại nếu người ta như bắt được những cơ hội thuận lợi cho việc quay về với nghề nông.

Cũng có thể từ những khảo sát nói lên mà nhận xét rằng sự phân hóa xã hội ở nông thôn miền Bắc hiện nay chủ yếu biểu hiện ở *sự phân hóa giàu nghèo*, còn *sự phân hóa vì giai cấp - xã hội* chưa có biểu hiện thật rõ. Tuy nhiên, đã quan sát được sự khác biệt và dẫn tới đối lập giữa *người lao động* trực tiếp sản xuất với *đội ngũ những người làm công tác quản lý ở nông thôn*. Tầng lớp những người quản lý thực chất là đang nắm đầy đủ quyền lực về chính trị - kinh tế xã hội! Vấn đề cơ bản đặt ra: họ có khả năng kinh doanh nông nghiệp không? Họ có thể đảm nhiệm được "*chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở*" như nghị quyết 10 của Bộ Chính trị nêu lên không? Qua nghiên cứu, đã có thể quan sát được những điển hình khá sinh động của những cán bộ quản lý năng động, nhạy bén với tình hình để có thể vươn lên

làm được nhiệm vụ đó. Tuy nhiên vấn đề đặt ra cũng đã khá rõ, nếu ở những nơi mà hợp tác xã nông nghiệp không thực hiện được vai trò thực sự là người tổ chức quản lý sản xuất và kinh doanh, thực hiện các hợp đồng dịch vụ với người sản xuất thì tầng lớp có đặc quyền nói trên dễ có nguy cơ là người “ăn trên ngồi trốc”. Trong trường hợp đó người nông dân lao động sẽ không là người chủ mà là người lán thuê cho hợp tác xã! Hiện nay, đây là một vấn đề xã hội nóng bỏng.

Từ những diễn giải nói trên, càng củng cố luận điểm đã được vạch ra như là một cơ sở phương pháp luận tiến hành nghiên cứu: chỉ có thể nhìn nhận đúng đắn về cơ cấu xã hội khi xem xét nó trong một chỉnh thể bao gồm cả con người và hệ thống quản lý. Cũng vì vậy, bình diện văn hóa trong cấu trúc xã hội tổng thể và tính hệ thống của nó phải là một hướng tiếp cận cần thiết để làm sáng tỏ những biểu hiện của sự biến chuyển về cơ cấu xã hội. Và ngược lại, sự nghiên cứu về cơ cấu xã hội và sự chuyển đổi của nó cũng không thể không dẫn đến những kết luận về sự chuyển đổi, của những định hướng giá trị; thậm chí, sự thay đổi bảng giá trị cũ bằng một bảng giá trị mới tương ứng với một hình thái kinh tế - xã hội mới. Mô hình văn hóa có tác động sâu xa đến sự phát triển kinh tế, chuyển biến xã hội và ngược lại, sự chuyển đổi xã hội và phát triển kinh tế đòi hỏi sự chuyển đổi của những mô hình văn hóa tương ứng và chẳng văn hóa không phải là một hệ thống đóng kín những giá trị loại biệt mà là một tổng hợp đang phát triển của những thành tựu về vật chất và tinh thần trong hoạt động thực tiễn của con người. Sự chuyển đổi của mô hình văn hóa truyền thống, sản phẩm của một xã hội cộng đồng, tự tung tự cấp và khép kín sang mô hình văn hóa hiện đại, sản phẩm của một xã hội phát triển, dựa trên sản xuất hàng hóa và cởi mở, giao tiếp thường xuyên với bên ngoài, đó là một quá trình phức tạp.

Nhất cả ở một xã ngoại thành Hà Nội, cách trung tâm chỉ hơn 30km, vẫn quan sát thấy một mô hình văn hóa hết sức không thuận lợi cho định hướng xã hội của sự phát triển kinh tế hàng hóa. Nhưng chỉ báo thu nhận được trên bình diện văn hóa và lối sống đã xác lập căn cứ cho nhận định trên

Sự đề cao thiết chế gia đình, họ hàng, và làng xóm, theo mô hình truyền thống củng cố tâm lý khép kín của lối sống nông nghiệp cổ truyền, tự cung tự cấp vốn chưa bị phá vỡ. Ngược lại, có dấu hiệu mạnh mẽ của sự tái sinh và cổ vũ. Những nhân tố mới biểu hiện trong lối sống của tầng lớp thanh niên và nhóm có học vấn cao trong cộng đồng chưa được khẳng định trong các quan hệ xã hội, trong sản xuất và trao đổi hàng hóa, trong nội dung của những sinh hoạt văn hóa và thông tin đại chúng.

Sự tồn tại và đan xen giữa hai thiết chế xã hội tương ứng với hai cách tổ chức đời sống xã hội, thiết chế xã hội truyền thống dựa trên các quan hệ họ hàng, làng xóm vẫn còn phát huy tác dụng mạnh mẽ, thậm chí còn lấn át vai trò của các thiết chế xã hội mới dựa trên các quan hệ hợp tác xã trong sản xuất và các quan hệ xã hội gắn liền với tổ chức chính quyền và đoàn thể ở địa phương. Đó là hiện tượng không phải là không phổ biến trên nhiều vùng nông thôn hiện nay. Điều đó có nguyên nhân của nó.

Ở miền Bắc, trong một thời gian dài sau kháng chiến chống Pháp và trong kháng chiến chống Mỹ, thiết chế xã hội mới đã hình thành và được củng cố trong quá trình nông thôn từng bước đi vào hợp tác. Thế nhưng, khi mà hợp tác xã bộc lộ những yếu kém trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, đặc biệt là khi mà uy tín của bộ máy quản lý Đảng và chính quyền xã ở nhiều nơi bị giảm sút, xu hướng quay trở lại tìm sức

manh và niềm tin trong những thiết chế xã hội cũ lại phát triển. Những thiết chế này vốn thân thuộc và có một bề dày lịch sử đủ để định hình vững chắc trong đời sống xã hội, chúng chỉ tạm thời bị đẩy lùi trong cao trào hợp tác hóa nhưng rất dễ dàng nhanh chóng phục hồi và tái sinh. Bởi lẽ, mảnh đất làm nảy sinh và nuôi dưỡng chúng vẫn còn hầu như nguyên vẹn. Nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ lạc hậu là cung tự cấp chuyển đổi một cách chậm chạp, những nhân tố tác dụng nhằm thúc đẩy nhanh sự chuyển đổi cùng giảm dần, trong lúc đó bình quân ruộng đất canh tác thu hẹp lại và dân số tăng lên nhanh.

Hiện tượng lập lại gia phả, sửa sang từ đường, nhà thờ họ, làm sống lại các lễ thức: khao, vọng, lên lão v.v... các hình thức sêu tết, giỗ chạp, hiếu hỷ được phục hồi không phải chỉ trong các cụ cao tuổi mà lớp trẻ cũng chịu ảnh hưởng dưới nhiều sắc thái khác nhau.

Không thể không thừa nhận lôgic khách quan trong sự hình thành và nuôi dưỡng những phong tục tập quán tốt đẹp, sản phẩm của một đời sống văn hóa vốn có một chiều dày phát triển và củng cố. Tuy nhiên, bảo vệ và kế thừa những gì, đưa chúng hòa nhập vào đời sống hiện đại như thế nào để một mặt giữ được cốt trạch truyền thống và bản chất văn hóa dân tộc, mặt khác, cải tạo và rũ bỏ những gánh nặng ghê gớm của quá khứ lạc hậu, trì trệ, bảo thủ kìm hãm sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, đây quả là một công việc cực kỳ khó khăn, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu với một tầm nhìn chiến lược.

Một mặt khác, cùng với phương thức là cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, cùng với việc tạo ra những tiền đề xã hội cho sự phát triển mạnh sản xuất hàng hóa ở nông thôn, lại có nhưng hiện tượng xã hội, tư tưởng và văn hóa mới nảy sinh cần phải có sự nhìn nhận đúng đắn.

Cơ chế thực dụng của thị trường hàng hóa đã tác động mạnh tới mọi quan hệ xã hội, ảnh hưởng lại hoạt động của các thiết chế xã hội mới, Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Hiệu lực của bộ máy Đảng và chính quyền ở một số nơi có chiều hướng giảm sút, vai trò của hợp tác xã đang đòi hỏi phải được xác định lại, sự quan tâm của tập thể đối với nhiều thành viên trong xã hội bị buông lơi. Các hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, trở nên hình thức vì không đáp ứng được những yêu cầu mới, đòi hỏi mới, các hoạt động văn hóa văn nghệ nhiều nơi cũng có nguy cơ mất dần tính chất sinh hoạt quần chúng mà trở thành phương tiện kinh doanh. Nhiều tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, mãi dâm có chiều hướng phát triển. Thực tế khảo sát là hội học ở một số điểm nông thôn, nơi có nhịp độ chuyển sang sản xuất hàng hóa, mở mang ngành nghề đã cung cấp những cứ liệu để suy nghĩ về những vấn đề trên.

Luận điểm cơ bản cần được đặt ra là: phải xác lập vững chắc định hướng phát triển xã hội để từ đó mà xem xét các diễn biến. Chuyển đổi từ một xã hội nông nghiệp lạc hậu; tự tung tự cấp, quen với bao cấp và cống nạp sang một xã hội phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, thực hiện hạch toán và kinh doanh trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải chuyển đổi trên lĩnh vực văn hóa và lối sống. Vì văn hóa không chỉ là trình độ nhận thức, khối lượng tri thức, mà còn là cách nhận thức, là quá trình nhận thức được biểu hiện trong những biểu tượng giá trị và những chuẩn mực hướng dẫn chi phối hoạt động thực tiễn của mọi nhóm xã hội. Hoạt động thực tiễn ở đây không chỉ giới hạn ở các hoạt động văn hóa riêng biệt mà bao gồm mọi lĩnh vực hoạt động của lối sống con người như kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa

Những xáo động của đời sống xã hội và sinh hoạt văn hóa, tư tưởng, lối sống của những vùng ở nông thôn trong thời gian vừa qua là điều không thể tránh khỏi. Không có một chuyển biến cách mạng nào mà không phải trả giá. Tinh táo nhìn nhận các sự kiện, phân tích chúng một cách cụ thể trên quan điểm phát triển để không động dao trước một định hướng xã hội đã được chọn lựa, vững bước đi tới, đó là một thái độ khoa học cần phải có.

Đề tài nghiên cứu về sự vận động và chuyển đổi của định hướng giá trị trong lối sống và tâm lý như một tiền đề xã hội cần thiết để chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa ở nông thôn đòi hỏi một cố gắng lớn của Viện Xã hội học sắp tới. Để triển khai đề tài này, phải có sự phối hợp liên ngành của nhiều cách tiếp cận khác nhau nhằm hướng tới một mục tiêu thống nhất.

Tóm lại, trong năm qua, những kết quả nghiên cứu. Ở cấp độ lý thuyết cũng như sự khảo sát thực tế đã cho phép khẳng định hướng nghiên cứu đã được vạch ra cho chương trình mục tiêu của Viện trong 3 năm 6/1987 đến 6/1990 là có căn cứ và có triển vọng thực hiện. Theo mục tiêu đó của chương trình nghiên cứu của Viện các nhóm đề tài các phòng nghiên cứu và mỗi một cá nhân cần có kế hoạch thật cụ thể để triển khai công việc của mình nhằm đạt là những hiệu quả thiết thực.